

KẾ HOẠCH

Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 411/QĐ-TTg); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao cho địa phương trong Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg.

2. Yêu cầu

Các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, xác định phát triển kinh tế số, xã hội số là nhiệm vụ trọng tâm; chủ động, thực hiện quyết liệt, thường xuyên, liên tục; tận dụng tốt các nguồn lực đã đầu tư, huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số thuộc phạm vi quản lý; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc; phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

a. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025¹

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 15-20%;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 8-10%²;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 60-80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 40-50%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

¹ Chỉ tiêu tối đa theo Quyết định số 411/QĐ-TTg; Các chỉ tiêu cụ thể khác phù hợp với các KH khác của tỉnh.

² Phù hợp với KH số 244/KH-UBND của UBND tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 25-30% GDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 15-20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 80-100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 60-70%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2. Phát triển xã hội số

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện thể chế

Xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; chú trọng xây dựng chính sách để nâng cao tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

2. Phát triển hạ tầng

a) Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch.

b) Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng 4G, hướng tới phủ sóng 5G đến tất cả các thôn, xóm, khu vực dân sinh trên toàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

3. Phát triển nền tảng số

a) Khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh xây dựng nền tảng số đáp ứng các tiêu chí nền tảng số quốc gia.

b) Thúc đẩy các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân sử dụng các nền tảng số quốc gia; xác định và xây dựng cơ chế kết nối liên thông phù hợp các nền tảng/phần mềm dùng chung trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

4. Phát triển dữ liệu số

a) Triển khai Chiến lược dữ liệu số quốc gia.

b) Triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: Nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và

môi trường, giao thông vận tải, lao động, văn hóa, thể thao và du lịch tại địa phương. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh; kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu của tỉnh vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

5. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

a) Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025".

b) Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp dịch vụ số được bảo đảm sẵn về an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

d) Hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

đ) Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

6. Phát triển nhân lực số

a) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, trong đó đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định, hoạch định chính sách và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.

c) Tổ chức triển khai Chương trình "Học từ làm việc thực tế", trong đó cơ quan nhà nước là cầu nối giữa các trường đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp; tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng tốt hơn cho công việc tương lai và bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp. Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với

các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

d) Định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

7. Phát triển kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

a) Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

b) Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

c) Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian mạng.

8. Phát triển doanh nghiệp số

a) Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Triển khai Kế hoạch chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo Quyết định số 5277/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2025, trong đó lựa chọn sử dụng các nền tảng số xuất sắc cho chuyển đổi số doanh nghiệp; khảo sát, phân nhóm các doanh nghiệp theo ngành nghề, lĩnh vực và quy mô; xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi số; triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp.

c) Triển khai Chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh.

d) Triển khai chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ, thúc đẩy ứng dụng nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp, nền tảng trí tuệ nhân tạo, nền tảng trợ lý ảo, nền tảng thiết bị IoT.

9. Phát triển thanh toán số

a) Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025.

b) Thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp.

IV. PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Căn cứ các nội dung trong Quyết định số 411/QĐ-TTg, Kế hoạch chuyển đổi số của các Bộ, ngành chủ trì và Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh, trong đó các lĩnh vực trọng tâm gồm: Nông nghiệp và nông thôn; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Lao động, việc làm và an sinh xã hội; Thương mại, công nghiệp và năng lượng; Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học công nghệ.

2. Các ngành, lĩnh vực khác

Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.

V. GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức, tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế số, xã hội số; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch Nghệ An ở trong và ngoài nước.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ

tính đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

c) Tổ chức sản xuất các tin, bài, phóng sự, ấn phẩm, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số để truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số.

2. Tổ chức hoạt động

a) Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; kiện toàn và tổ chức hiệu quả Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các địa phương.

b) Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số "Make in Việt Nam", hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn tỉnh.

3. Hợp tác

a) Tăng cường hợp tác giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển, sử dụng các nền tảng số chất lượng cao; tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

b) Tổ chức học tập kinh nghiệm giữa các địa phương triển khai hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

4. Nghiên cứu, phát triển

a) Thúc đẩy, nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mới, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp với đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương và đề xuất nhân rộng.

5. Đo lường, giám sát triển khai

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu, mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này.

6. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia và địa phương. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi cho các đối tượng chịu nhiều tác động, có khả năng bị thay thế bởi máy móc. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu

bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; tổ chức giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển trợ lý ảo để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

c) Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

7. Bảo đảm kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước được cân đối, bố trí theo Kế hoạch; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này để phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Ngân sách được bố trí để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

c) Bảo đảm kinh phí để triển khai các nhiệm vụ, dự án, trong đó:

- Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: Đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ: Nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá chi số phát triển, ảnh hưởng tác động; thuê, mua sử dụng, thúc đẩy phát triển các nền tảng số; tạo lập, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch có tính chất chi thường xuyên. Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn chi thường xuyên thuê, mua sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, hệ thống thông tin thay vì đầu tư xây dựng.

d) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Kế hoạch này. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện Kế hoạch phù hợp quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông; đề xuất điều chỉnh các nội dung phù hợp với các định hướng, chính sách của Trung ương và yêu cầu thực tế phát triển của tỉnh.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn:

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số; phấn đấu đến hết năm 2025, phủ sóng thông tin di động 4G/5G đến 100% các thôn, bản trong toàn tỉnh.

- Phối hợp, hỗ trợ các sở, ban, ngành, địa phương trong việc đào tạo công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn kỹ năng số cho người dân.

c) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ được giao.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xác định danh mục chương trình, dự án đầu tư; cân đối, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, dự án về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đề nghị Tỉnh đoàn Nghệ An

Chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn các cấp xung kích trong việc phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường mạng hiệu quả, an toàn.

5. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Nghệ An

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này; chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả; tăng cường kết nối, liên thông với các hệ thống khác để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

6. Báo Nghệ An, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh (Cổng Thông tin điện tử tỉnh)

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung, kết quả triển khai Kế hoạch này trên các chuyên mục, bản tin, hệ thống thông tin do đơn vị quản lý.

7. Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh

Nghiên cứu, bổ sung vào chương trình đào tạo các bộ môn chuyên ngành, nội dung kiến thức, kỹ năng mới phù hợp với nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin, công nghệ số của tỉnh trong thời gian tới.

8. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện được phân công trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này trong Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

- Chủ động đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý, trong đó lựa chọn các nội dung ưu tiên thực hiện phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và tình hình thực tế tại ngành, lĩnh vực, địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định. /

Nơi nhận: ✓

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các thành viên BCD Chuyển đổi số tỉnh;
- Các hội, hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các trường ĐH, CĐ trên địa bàn;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo NA, Đài PT-TH, Công TTĐT tỉnh;
- Các Doanh nghiệp BCVT, công nghệ số;
- Lưu: VT, TH (T).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

(Kèm theo Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
A	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách			
1.1	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; chú trọng xây dựng chính sách để nâng cao tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động của mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành, lĩnh vực.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2030
2	Hạ tầng số			
2.1	Chủ động tổ chức triển khai thực hiện chương trình, chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số theo hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng số; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch.	Các sở, ban, ngành có liên quan	UBND cấp huyện	2023-2030
2.2	Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
3	Nền tảng số			
3.1	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy, phát triển, sử dụng các nền tảng số quốc gia theo kế hoạch, hướng dẫn của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025

3.2	Chủ trì triển khai tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số của ngành, lĩnh vực, cơ quan, địa phương, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực trọng điểm gồm: Nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
3.3	Đề xuất sử dụng các nền tảng số quốc gia phù hợp nhu cầu. Xác định các nền tảng số của ngành, lĩnh vực, địa phương và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để thúc đẩy sử dụng các nền tảng số.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2030
4	Dữ liệu số			
4.1	Triển khai Chiến lược dữ liệu số quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
4.2	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
4.3	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành, kho dữ liệu ngành theo Kế hoạch số 586/KH-UBND của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025.	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
5	Bảo đảm an toàn thông tin mạng			
5.1	Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
5.2	Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
5.3	Hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
5.4	Triển khai công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	2023-2030
6	Nhân lực số			
6.1	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
6.2	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện	2023-2025
6.3	Định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề	Sở Lao động - Thương Binh	Các sở, ban, ngành; các	2023-2030

	ngành trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.	và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông	trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện	
6.4	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
7	Kỹ năng số, công dân số, văn hóa số			
7.1	Tổ chức xây dựng và triển khai Nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
7.2	Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước.	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
7.3	Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; các trường đại học, cao đẳng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
7.4	Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet.	Văn phòng UBND tỉnh (Công Thông tin điện tử tỉnh); các Sở: Thông tin và Truyền thông, Y tế, Công Thương; Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
7.5	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030

7.6	Triển khai nền tảng số phát thanh (trực tuyến), Nền tảng số truyền hình (trực tuyến).	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
8	Phát triển doanh nghiệp số			
8.1	Triển khai Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
8.2	Triển khai kế hoạch chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo Quyết định số 5277/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2025.	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
8.3	Triển khai Chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
8.4	Triển khai chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
9	Thanh toán số			
9.1	Thực hiện Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, trong đó ưu tiên triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
9.2	Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
9.3	Triển khai hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh (có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ)	Cục Thuế tỉnh Nghệ An	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2025
B	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC			
1	Lựa chọn triển khai những nội dung phù hợp với các nhiệm vụ trong Quyết định số 411/QĐ-TTg, trong đó bao gồm việc ứng dụng hiệu quả các nền tảng số/phần mềm dùng chung do các bộ, ngành chủ quản triển khai liên thông cho các cấp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2030

2	Chủ động xây dựng các phần mềm chuyên ngành phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số bảo đảm không trùng lặp các nhiệm vụ do các bộ, ngành đã triển khai cho địa phương	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2030
3	Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa phương phụ trách	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2030
C	CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
I	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới			
1.1	Kiện toàn và tổ chức hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện do người đứng đầu làm Trưởng ban.	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
1.2	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khu phố, thôn, bản.	UBND cấp huyện; cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
1.3	Tổ chức, phân công đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện Kế hoạch.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
II	Hợp tác trong nước về phát triển kinh tế số, xã hội số			
2.1	Tăng cường hợp tác giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số chất lượng cao; tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2023-2030
2.2	Tổ chức học tập kinh nghiệm tại giữa các địa phương triển khai hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025
III	Nghiên cứu, phát triển			
3.1	Thúc đẩy, nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số, chuỗi khối, thực tế ảo/ thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mới, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
3.2	Xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp với đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương và đề xuất nhân rộng.	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	2023-2030
IV	Đo lường, triển khai			
	Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, cập nhật các dữ liệu, số liệu ngành có liên quan để phân tích, tổng hợp đưa ra các chỉ số đo lường mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với các chỉ tiêu tại Mục II Kế hoạch này, trong đó:			
4.1	Tổng hợp chung các chỉ tiêu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030

4.2	Tỷ trọng kinh tế số trên GDP.	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
4.3	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực.	Cục Thống kê tỉnh; các sở, ngành	Các sở, ban, ngành	2023-2030
4.4	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành	2023-2030
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	Cục Thuế tỉnh	Các sở, ban, ngành	2023-2030
4.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành	2023-2030
4.7	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động.	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
4.8	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện; các doanh nghiệp viễn thông	2023-2030
4.9	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
4.10	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện; các doanh nghiệp viễn thông	2023-2030
4.11	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
4.12	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện; các doanh nghiệp viễn thông	2023-2030
4.13	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện; các doanh nghiệp viễn thông/CNTT	2023-2030
4.14	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Văn phòng UBND tỉnh (Công Thông tin điện tử tỉnh)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2030
4.15	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.	Sở Y tế	UBND cấp huyện	2023-2030

4.16	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	Sở Y tế	UBND cấp huyện	2023-2030
4.17	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; các Trường Đại học, Cao đẳng	UBND cấp huyện	2023-2030
4.18	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện	2023-2030
V Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức				
5.1	Tổ chức, tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế số, xã hội số; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch Nghệ An ở trong nước và nước ngoài.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện		2023-2030
5.2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện		2023-2030
5.3	Tổ chức sản xuất các tin, bài, phóng sự, ấn phẩm, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số để truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2030